



ISSN 1859-3828

Tạp chí

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Lâm nghiệp



PHỤ NỮ TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
VỚI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

HÀ NỘI

Tháng 10
2016

Tạp chí:

KHOA HỌC

& CÔNG NGHỆ LÂM NGHIỆP

ISSN: 1859 - 3828

NĂM THỨ NĂM

Tháng 10/2016

TỔNG BIÊN TẬP

GS.TS. PHẠM VĂN CHƯƠNG

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

PGS.TS. NGUYỄN VĂN TUẤN

CN. NGUYỄN VĂN HÙNG

TÒA SOẠN

Thu viện – Đại học Lâm nghiệp
Xuân Mai – Chương Mỹ – Hà Nội

ĐT: 0433.840.822

Email: Tapchikhcnlamnghiep@gmail.com

Giấy phép số:

1948/GP – BTTT
Bộ Thông tin – Truyền thông
cấp ngày 23 tháng 10
năm 2012

Công ty Cổ phần Tư vấn xuất bản
& Truyền thông Việt
4/20, ngõ 156 phố Hồng Mai,
phường Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

	Trang
▪ Hoàng Minh Trang, Hà Văn Huân, Hoàng Vũ Thơ, Nguyễn Trung Thành. Nghiên cứu xác định đoạn DNA barcode cho loài Trà hoa vàng lá dày (<i>Camellia crassphylla</i>): phục vụ giám định loài	3-10
▪ Nguyễn Thị Thu Hằng, Phạm Thị Kim Thoa, Phạm Thị Quỳnh. Đa dạng loài thực vật thân gỗ trong một số trạng thái rừng tự nhiên tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên Thượng Tiên, Hòa Bình	11-18
▪ Đồng Thị Thanh. Tri thức bản địa trong canh tác của cộng đồng người Dao ở Phú Thọ	19-25
▪ Nguyễn Thị Yến. Khả năng nhân giống bằng hạt và sinh trưởng cây Nanh chuột (<i>Cryptocarya lenticellata</i> H.Lec) ở giai đoạn vườn ươm	26-33
▪ Kiều Thị Dương, Hà Huy Bắc. Nội suy lượng mưa trong lịch sử từ đặc điểm cấu trúc vòng năm cây Pơ mu tại Văn Bàn, Lào Cai	34-42
▪ Nguyễn Thị Mai Dương, Lã Nguyên Khang, Lê Sỹ Doanh. Kết quả nghiên cứu phân vùng sinh thái cho các loài cây đặc sản rừng có giá trị kinh tế tại hai huyện Na Hang và Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	43-53
▪ Trần Thị Hương, Nguyễn Xuân Cảnh. Xây dựng bản đồ phân cấp chất lượng nước sông Đáy đoạn chảy qua huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội	54-62
▪ Mai Thị Thanh Nhàn, Vũ Đức Quỳnh, Lê Sỹ Doanh. Cháy rừng ở Hà Giang, thực trạng và những giải pháp phòng cháy chữa cháy rừng trong cộng đồng	63-75
▪ Nguyễn Thị Thơ, Nguyễn Thành Tuấn, Lê Bảo Thanh. Giám định loài tuyền trùng <i>Bursaphelenchus</i> ký sinh trong cây Thông tại tỉnh Lâm Đồng, Thừa Thiên Huế và Quảng Ninh	76-88
▪ Đặng Thị Ngọc Ánh. Sử dụng kỹ thuật “phễu” tìm đường đi ngắn nhất giữa hai điểm trong đa giác đơn và trên mặt khối đa diện	89-95
▪ Lưu Bích Linh, Dương Xuân Núi, Bùi Thị Toàn Thư. Nghiên cứu ảnh hưởng của điện tích phân cực lên tính chất vận chuyển trong hệ vật liệu có cấu trúc dị chất $ZnO/Mg_xZn_{1-x}O$	96-103
▪ Đinh Hải Linh. Mô hình hóa và mô phỏng động cơ từ trở kiều đóng cắt (SRM) bằng phần mềm Ansys Maxwell kết hợp với phần mềm Matlab Simulink	104-109
▪ Nguyễn Thị Lục. Nghiên cứu phần mềm Autodets robot structural analysis profesional 2015 vào việc giải bài toán về biểu đồ nội lực cho hệ đầm, hệ khung siêu tĩnh phẳng cho môn học Cơ học kết cấu 2	110-115
▪ Nguyễn Thùy Dung. Thực trạng chất lượng tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn chi nhánh Láng Hạ	116-124
▪ Trần Thị Thu Hà, Trần Thị Hồng Vân. Chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	125-131
▪ Hoàng Thị Hảo. Sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) để đánh giá mức độ tác động của các chính sách đến chất lượng công tác giảm nghèo ở tỉnh Quảng Ninh	132-144
▪ Đoàn Thị Hân. Huy động và sử dụng nguồn lực tài chính trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ - thực trạng và giải pháp hoàn thiện	145-153
▪ Vũ Thu Hương. Kết quả, hiệu quả tài chính của chuỗi cung ứng cây giống Keo lai giàm hom vùng Đông Nam Bộ	154-162
▪ Vũ Thị Minh Ngọc, Trương Thị Thanh Quý. Thực trạng bất bình đẳng giới theo thu nhập tại xã Phú Cường, huyện Ba Vì, Hà Nội	163-173
▪ Bùi Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Duy Quân. Giải pháp phát triển hợp tác xã nông nghiệp tại huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh	174-182
▪ Nguyễn Thị Hải Ninh, Đặng Thị Mai Lương. Giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp xã tại huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội	183-192
▪ Đào Lan Phương. Kinh nghiệm của các nước và định hướng hoàn thiện thể chế cho tài chính vi mô tại Việt Nam	193-201
▪ Phạm Thanh Quέ, Trần Thu Hà, Nguyễn Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Việt Hiếu, Dương Thị Hải Yến. Nghiên cứu sự phù hợp của quy định về vị trí với giá đất ở trên địa bàn phường Lê Lợi, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội	202-212
▪ Phạm Thị Tân. Tác động của cơ cấu chi phí vốn cho sản xuất nông nghiệp đến thu nhập của hộ nông dân huyện Phố Yên, tỉnh Thái Nguyên	213-223
▪ Nguyễn Thị Tiết. Vai trò của pháp luật đối với lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng ở nước ta hiện nay	224-230

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH NHÂN TỐ KHÁM PHÁ (EFA) ĐỂ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CHÍNH SÁCH Đến CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC GIẢM NGHÈO Ở TỈNH QUẢNG NINH

Hoàng Thị Hảo

Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Từ khi xóa đói giảm nghèo (XĐGN) đã trở thành mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của đất nước thì các chính sách hiện nay về cơ bản mới chỉ giải quyết được hai khía cạnh đầu tiên của đói nghèo đó là đói nghèo về thu nhập và cải thiện khả năng tiếp cận các dịch vụ cơ bản. Với hai khía cạnh là nguy cơ bị tổn thương cũng như không có tiếng nói hay quyền lực của người nghèo, thì các chính sách này chưa được thể hiện rõ nét. Gần đây tỷ lệ đói nghèo ở Quảng Ninh vẫn còn khá cao, năm 2012 tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh là 3,52%, hộ cận nghèo 2,95%; năm 2013 tỷ lệ hộ nghèo là 2,42%, hộ cận nghèo 2,46%; năm 2014 tỷ lệ hộ nghèo 1,75%, hộ cận nghèo 2,59%. Do đó để đảm bảo giảm nghèo bền vững và có tính đến các tác động trong điều kiện hội nhập, bài ~~về~~ nghiên cứu đề cập đến việc thực hiện các chính sách xóa đói giảm nghèo ở tỉnh Quảng Ninh, qua khảo sát 150 cán bộ quản lý các cấp và 300 hộ nghèo đang sinh sống ở 3 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao trong tỉnh là Huyện Hoành Bồ, Ba Chẽ, Bình Liêu, kết quả cho thấy tất cả các đối tượng trên đều đánh giá mức điểm trung bình từ 3,15/5 điểm đến 4,04/5 điểm; đồng thời nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích các nhân tố khám phá (EFA) để đánh giá tác động của các chính sách đến chất lượng công tác giảm nghèo tại tỉnh Quảng Ninh, thông qua khảo sát đánh giá 150 cán bộ quản lý các cấp; Kết quả cho thấy có 4 nhóm chính sách tác động đến chất lượng công tác giảm nghèo trong đó nhóm chính sách y tế đóng góp 32,31%, nhóm chính sách tín dụng đóng góp 24,3%, nhóm chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng đóng góp 21,89%, nhóm chính sách giáo dục đóng góp 21,5%. Từ đó làm căn cứ để xuất các giải pháp góp phần hoàn thiện các chính sách nhằm xóa đói giảm nghèo ở tỉnh Quảng Ninh trong thời gian tới.

Từ khóa: Cơ sở hạ tầng, EFA, giáo dục, Quảng Ninh, tín dụng, xóa đói giảm nghèo.